

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/10/2021

*“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn,  
nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phú Hữu

2. Ông Lê Quang Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2021, về việc *“Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2021/QĐXXST-DS ngày 14/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2021/QĐST-DS ngày 24/6/2021, các Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 51/TB-TA ngày 13/7/2021, số 291/TB-TA ngày 09/8/2021, số 161/TB-TA ngày 06/9/2021, số 157/TB-TA ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ A, khóm TP, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ A, khóm TP, phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

*Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T là vợ chồng từ năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 03/11/1998.

Đời sống vợ chồng nhiều năm qua không có hạnh phúc, anh T tính tình nóng nảy, gia trưởng, không xem trọng vợ con, việc lớn trong nhà anh T tự làm

theo ý mình không cho Chị H quyền can thiệp cũng như phản đối. Nhiều năm trước anh T còn thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, nhốt Chị H ngoài cửa không cho vào nhà. Trước đây anh T có hành vi đánh đập Chị H, Chị H trình báo với trưởng khóm nhiều lần hy vọng anh T được nhắc nhở, giáo dục, bớt hành hạ Chị H nhưng địa phương chưa có biện pháp răn đe, đời sống vợ chồng không lúc nào được yên vui hạnh phúc.

Mấy năm gần đây anh T ngày nào cũng uống rượu, cờ bạc, không lo được cho vợ con, chửi mắng Chị H, anh T có người phụ nữ khác bên ngoài, Chị H khuyên can nhưng anh T phủ nhận. Chị H đã dọn ra ngoài ở riêng, ly thân với anh T khoảng 9 tháng nay. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện, tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Quốc T.

*Về con chung:* Chị H và anh T có hai con chung tên Trần Nguyễn T A, sinh ngày 17/7/1999 và Trần Quốc H, sinh ngày 28/11/2003.

Con chung Trần Nguyễn T A, sinh ngày 17/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Trần Quốc H, sinh ngày 28/11/2003 đang sống chung với Chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 28/11/2003, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có.

- Bị đơn anh Trần Quốc T không có mặt tại phiên tòa, tại Văn bản ý kiến ngày 01/10/2021 của anh Trần Quốc T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh T đồng ý ly hôn với Chị H.

*Về con chung:* Con muốn theo cha hay mẹ thì tùy ở con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Chị H yêu cầu ly hôn với anh T, yêu cầu được nuôi con chung, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn Trần Quốc T có địa chỉ tại phường H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt tại phiên tòa (phiên tòa lần thứ 2, anh T có gửi đơn xin xét xử vắng mặt), Chị H đồng ý việc xét xử vắng mặt anh T. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Quốc T.

[2] *Về nội dung*: Xét quan hệ hôn nhân của Chị H và anh T được xác lập vào năm 1998, do Chị H thừa nhận, có đăng ký kết hôn ngày 03/11/1998 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Tại phiên tòa, Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, theo Chị H trình bày, vợ chồng nhiều năm qua không có hạnh phúc, thường xuyên cãi vã vì rất nhiều nguyên nhân như anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, tính tình không hợp nhau....., Chị H đã tìm cách hàn gắn, nhưng vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, nên Chị H đã dọn ra ngoài ở trọ, ly thân với anh T khoảng 9 tháng nay.

Đối với anh T, trong quá trình mời giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử anh T đều vắng mặt. Đến ngày 01/10/2021, anh T mới gửi văn bản ý kiến đồng ý ly hôn với Chị H, anh T không trình bày về nội dung mâu thuẫn của vợ chồng, cũng không thể hiện thiện chí để đoàn tụ gia đình với Chị H.

Từ những lý do trên cho thấy, đời sống hôn nhân của Chị H và anh T có nhiều mâu thuẫn, đã kéo dài nhiều năm và ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh T có hai con chung tên Trần Nguyễn T A, sinh ngày 17/7/1999 và Trần Quốc H, sinh ngày 28/11/2003.

Con chung Trần Nguyễn T A, sinh ngày 17/7/1999 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, Trần Quốc H, sinh ngày 28/11/2003 đang sống chung với Chị H. Chị H yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Quốc H, sinh ngày 28/11/2003, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu H đang sống chung với Chị H, cháu H có văn bản trình bày nguyện vọng của cháu là được sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu H, giao cháu H cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: do Chị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H và anh T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Án phí*: Chị H phải chịu 300.000 tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

*1/ Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H.

- Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Quốc T.

*2/ Về con chung:* Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị H. Giao cháu Trần Quốc H, sinh ngày 28/11/2003 cho Chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*3/ Về tài sản chung và nợ chung:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0015404 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp. Như vậy, Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND TPCL;
- Đường sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND xã H, thành phố Cao Lãnh (Số 59/98CNKH, Quyền số 01 TPHT16 ngày 03/11/1998);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Phương Hồng**